

Mất cân đối trong thu hút FDI tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

ThS. LÊ MAI TRANG

Những năm qua, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã có đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, FDI cũng đã bộc lộ ngày càng rõ nét tình trạng mất cân đối trên nhiều mặt, gây ra nhiều hệ lụy. Để giải quyết tình trạng này đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ và quyết liệt.

MẤT CÂN ĐỐI GIỮA VỐN ĐĂNG KÝ VÀ VỐN THỰC HIỆN

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết năm 2012, Việt Nam đã có 14.522 dự án đầu tư còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký khoảng hơn 210 tỷ USD của các nhà đầu tư đến từ 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Điểm đáng mừng là số vốn đăng ký của các nhà đầu tư vào Việt Nam có sự gia tăng lớn theo các năm. Trong đó, năm 2008 là năm đỉnh cao của FDI, với số vốn đăng ký lên tới 71,726 tỷ USD, cao gấp hơn 2 lần tổng vốn FDI đăng ký của 19 năm trước cộng lại. Song, điều đáng buồn là sự chênh lệch ngày càng lớn giữa vốn đăng ký và số vốn thực hiện (Bảng 1). Điển hình là năm 2008, vốn thực hiện chỉ chiếm hơn 16% so với vốn đăng ký. Giai đoạn từ 2005-2009, vốn thực hiện chưa đạt được 50% vốn đăng ký.

Tuy nhiên, cũng có một thực tế là nhiều dự án FDI

bị thu hồi giấy phép trong quá trình thực hiện. Các dự án FDI này được chia làm 4 nhóm chính:

- Nhóm dự án với số vốn “ảo” khổng lồ, xúc tiến dở dang rồi đòi hỏi ưu đãi. Với nhóm những dự án loại này, nhà đầu tư đã “thổi phồng” quy mô vốn và khả năng sinh lời của dự án để dễ được cấp phép. Sau khi được chính quyền giao đất, xúc tiến đầu tư, thì chủ dự án bắt đầu đưa ra nhiều yêu sách về: tín dụng, thuế... Điển hình là dự án Nhà máy thép Guang Lian – Dung Quất. Được động thổ từ năm 2007, đến nay dự án này do Tập đoàn Tycoons và E-United (Đài Loan) đầu tư đã được điều chỉnh 5 lần, từ số vốn đăng ký lần đầu là 1,05 tỷ USD (công suất 5 triệu tấn thép/năm) lên 4,5 tỷ USD (nâng công suất lên 7 triệu tấn thép/năm). Qua nhiều lần điều chỉnh thiết kế, công suất, diện tích của “siêu” dự án thép này đã lên tới 700 ha. Với vị thế là dự án lớn, chủ đầu tư đã đưa ra nhiều đòi hỏi ưu đãi quá đáng về thuế, thậm chí còn đưa ra đề nghị: “bất kỳ chi phí nào phát sinh hoặc liên quan đến giải phóng mặt bằng cho các khu đất được chấp thuận cấp cho dự án sẽ do tỉnh Quảng Ngãi chi trả và dự án không phải chịu các chi phí giải phóng mặt bằng này”. Điều đáng nói là sau những lần điều chỉnh giấy phép đầu tư, cùng các đòi hỏi ưu đãi chưa có tiền lệ, đến nay, dự án này vẫn “nằm đắp chiếu!”.

Có thể nói, các dự án kiểu như thế chẳng những ảnh hưởng đến các tiêu chí đánh giá khả năng triển khai các dự án FDI ở Việt Nam, mà còn ảnh hưởng tới sự phát triển mang tính bền vững và ảnh hưởng nặng nề đến đời sống của người

BẢNG 1: VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2000-2012

Năm	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký (triệu USD)	Vốn thực hiện (triệu USD)	Tỷ lệ vốn thực hiện/vốn đăng ký (%)
2000	391	2.762	2.398	86,82
2001	555	3.265	2.225	68,16
2002	808	2.993	2.884	96,37
2003	791	3.172	2.723	85,84
2004	811	4.534	2.708	59,73
2005	970	6.840	3.300	48,25
2006	987	12.004	4.100	34,16
2007	1.544	21.348	8.034	37,63
2008	1.171	71.726	11.500	16,03
2009	1.208	23.107	10.000	43,28
2010	1.237	19.886	11.000	55,32
2011	1.191	15.681	11.000	70,43
2012	1.287	16.348	10.460	63,98

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

dân, nơi có dự án được cấp phép. Đất thì bị bỏ hoang, trong lúc nông dân không có đất canh tác.

- *Nhóm các "dự án tỷ USD" rồi chuyển nhượng kiếm lời.* Đây là nhóm dự án với vốn đăng ký hàng tỷ USD, nhưng nhà đầu tư không thực sự muốn đầu tư, mà chỉ muốn có giấy chứng nhận đầu tư, giữ đất và dùng dự án đó để chuyển nhượng kiếm lời. Và, sau một thời gian dài, thì vốn giải ngân của các dự án này chỉ còn vài chục triệu USD. Ví dụ như, dự án Khu du lịch nghỉ mát giải trí đa năng Sài Gòn Atlantis Hotel tại TP. Vũng Tàu của Công ty TNHH Winvest Investment (Mỹ), tổng vốn đăng ký 4,1 tỷ USD, diện tích 307 ha, nhưng hiện mới thực hiện đầu tư được 6 triệu USD.

- *Nhóm các dự án đăng ký lớn, chiếm nhiều đất rồi xin tạm dừng hoặc xin dừng vì lý do thiếu vốn.* Đây chính là nhóm dự án gây ra chênh lệch lớn giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện, như: dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp lọc hóa dầu và tổ hợp hóa dầu ở Phú Yên, với mức vốn đầu tư dự tính lên tới 11 tỷ USD xin dừng thực hiện; hay dự án thép cán nóng liên doanh giữa tập đoàn Essar (Ấn Độ) với hai đối tác trong nước, có vốn đầu tư 527 triệu USD đang trong giai đoạn 1 xin tạm ngừng triển khai do khó khăn về tài chính; tập đoàn Foxconn (Hong Hải) của Đài Loan xin hoãn dự án hàng tỷ USD ở Bắc Giang...

- *Nhóm các dự án FDI thực sự đầu tư, nhưng gặp khó khăn về công tác đền bù giải tỏa, nên không thể triển khai các dự án đầu tư.* Dự án thép Tata tại Hà Tĩnh là một ví dụ điển hình. Giữa năm 2007,

Tata Steel - công ty con của Tập đoàn Tata (Ấn Độ) chính thức ký biên bản ghi nhớ và biên bản hợp tác dự án thép 5 tỷ USD ở khu kinh tế Vũng Áng (Hà Tĩnh). Dự án có công suất thiết kế 4,5 triệu tấn/năm, dự kiến xây dựng trong giai đoạn 2009-2015. Tuy nhiên, cuối tháng 5/2013, Tata đã có công văn gửi tới Văn phòng Chính phủ thông báo việc tạm dừng ý định đầu tư dự án thép. Nguyên nhân về sự chậm trễ khiến Tata phải đơn phương hủy ý định, theo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh là do dự án này cần tới 400 ha đất và chính quyền Hà Tĩnh phải chi tới 300 triệu USD để giải phóng mặt bằng. Chính phủ Việt Nam cam kết giao đất sạch cho nhà đầu tư, tuy nhiên, đây là số tiền quá lớn, nên không thể triển khai thực hiện.

MẤT CÂN ĐỐI GIỮA CÁC VÙNG KINH TẾ

Hiện nay, FDI đã có mặt trên tất cả 63 tỉnh, thành của Việt Nam, nhưng phân bố không đồng đều. Có những tỉnh, thành có hàng ngàn dự án, trong khi có tỉnh chỉ có vài trăm, vài chục dự án, thậm chí có tỉnh chỉ có vài dự án (Bảng 2). Sự mất cân đối trong thu hút FDI giữa các tỉnh, thành sẽ dẫn đến sự mất cân đối trong phát triển kinh tế giữa các vùng, miền. Nơi thu hút được nhiều FDI, thì phát triển nhanh, nhưng cũng phải đối mặt với sự quá tải về: kết cấu hạ tầng, ô nhiễm môi trường, tình trạng lao động nhập cư lớn... ảnh hưởng tới an ninh, xã hội, cũng như sự phát triển bền vững của những địa phương này. Ngược lại, tại những tỉnh, thành thu hút vốn FDI thấp, nguồn ngân sách ít, kinh tế kém phát triển, người lao động có xu hướng rời bỏ địa phương... tạo ra chênh lệch lớn trong phát triển giữa các địa phương.

Nhìn Bảng 2 có thể thấy rằng, FDI chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, như: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội hay tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, với tỷ trọng lớn, trên dưới 10% trong tổng số vốn đăng ký. Còn trong các tỉnh miền núi phía Bắc, như: Lai Châu, Hà Giang, Bắc Kạn, hay các tỉnh miền Trung, như: Quảng Bình, Quảng Trị..., thì vốn đầu tư

BẢNG 2: 10 TỈNH, THÀNH CÓ FDI CAO NHẤT VÀ 10 TỈNH, THÀNH CÓ FDI THẤP NHẤT
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến 31/12/2012)

TT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Tỷ trọng (%)	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Tỷ trọng (%)
1	TP. Hồ Chí Minh	4.337	32.403.222.193	15,39	Kon Tum	2	71.950.000	0,034
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	287	26.297.964.396	12,49	Quảng Trị	16	67.689.500	0,032
3	Hà Nội	2.456	21.205.566.809	10,07	Đồng Tháp	16	46.830.537	0,022
4	Đồng Nai	1.101	19.945.424.466	9,47	Quảng Bình	5	34.783.800	0,017
5	Bình Dương	2.246	17.969.276.652	8,54	Cao Bằng	14	34.625.000	0,016
6	Hải Phòng	369	7.247.772.379	3,44	Sóc Trăng	10	30.043.000	0,014
7	Hải Dương	272	5.379.466.056	2,56	Đắc Nông	6	19.659.000	0,009
8	Bắc Ninh	294	4.158.225.552	1,98	Bắc Kạn	7	17.905.667	0,009
9	Đà Nẵng	239	3.683.962.189	1,75	Hà Giang	8	13.306.886	0,006
10	Long An	464	3.520.311.856	1,67	Lai Châu	4	4.001.136	0,002

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BẢNG 3: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM THEO NGÀNH
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2012)

TT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Tỷ trọng vốn đăng ký (%)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	8.072	105.938.681.549	50,32
2	Kinh doanh bất động sản	388	49.760.501.095	23,64
3	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	331	10.605.802.365	5,04
4	Xây dựng	936	10.052.022.249	4,77
5	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	87	7.488.878.705	3,56
6	Thông tin và truyền thông	828	3.941.715.726	1,87
7	Nghệ thuật và giải trí	137	3.629.180.524	1,72
8	Vận tải kho bãi	350	3.492.825.781	1,66
9	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	493	3.263.032.317	1,55
10	Khai khoáng	78	3.182.025.842	1,51
11	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa	902	2.898.271.474	1,38
12	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	76	1.321.650.673	0,63
13	Cấp nước; xử lý chất thải	28	1.234.188.770	0,59
14	Y tế và trợ giúp xã hội	82	1.222.207.675	0,58
15	Hợp đồng chuyên môn, khoa học-công nghệ	1.336	1.101.547.888	0,52
16	Dịch vụ khác	121	732.907.688	0,35
17	Giáo dục và đào tạo	163	462.918.958	0,22
18	Hành chính và dịch vụ hỗ trợ	114	193.287.218	0,09
	Tổng số	14.522	210.521.646.497	100

BẢNG 4: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA VIỆT NAM THEO ĐỐI TÁC
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2012)

TT	Đối tác đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Tỷ trọng vốn đăng ký (%)
1	Nhật Bản	1.849	28.699.621.246	13,63
2	Đài Loan	2.234	27.129.094.760	12,89
3	Singapore	1.119	24.875.349.749	11,82
4	Hàn Quốc	3.197	24.815.962.168	11,79
5	British Virgin Islands	510	15.386.367.951	7,31
6	Hồng Kông	705	11.966.693.190	5,68
7	Hoa Kỳ	648	10.507.189.345	4,99
8	Malaysia	435	10.196.424.427	4,84
9	Cayman Islands	54	7.505.985.912	3,57
10	Thái Lan	298	6.063.689.790	2,88
11	Hà Lan	177	5.910.079.092	2,81
12	Brunei	131	4.800.984.177	2,28
13	Trung Quốc	893	4.697.221.553	2,23
14	Canada	128	4.689.051.904	2,23
15	Samoa	95	3.878.698.644	1,84
16	Pháp	381	3.142.721.227	1,49
17	Vương quốc Anh	161	2.617.277.101	1,24
18	Thụy Sĩ	92	2.000.717.319	0,95
19	Luxembourg	24	1.501.659.633	0,71
20	Australia	276	1.313.225.884	0,62

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

FDI đến rất ít ỏi, chiếm dưới 0,05% tổng vốn đăng ký.

Trên thực tế, nhiều địa phương sẵn sàng cạnh tranh không lành mạnh, thu hút FDI vào địa phương bằng mọi giá, khiến cho nguồn tài nguyên thiên nhiên, sinh thái, du lịch vô giá của đất nước có thể bị bán rẻ; phá vỡ quy hoạch phát triển kinh tế của địa phương. Hệ quả là nguồn lợi nhuận mang lại cho Việt Nam từ FDI không tương xứng với giá trị của nguồn tài nguyên vĩnh viễn bị mất đi.

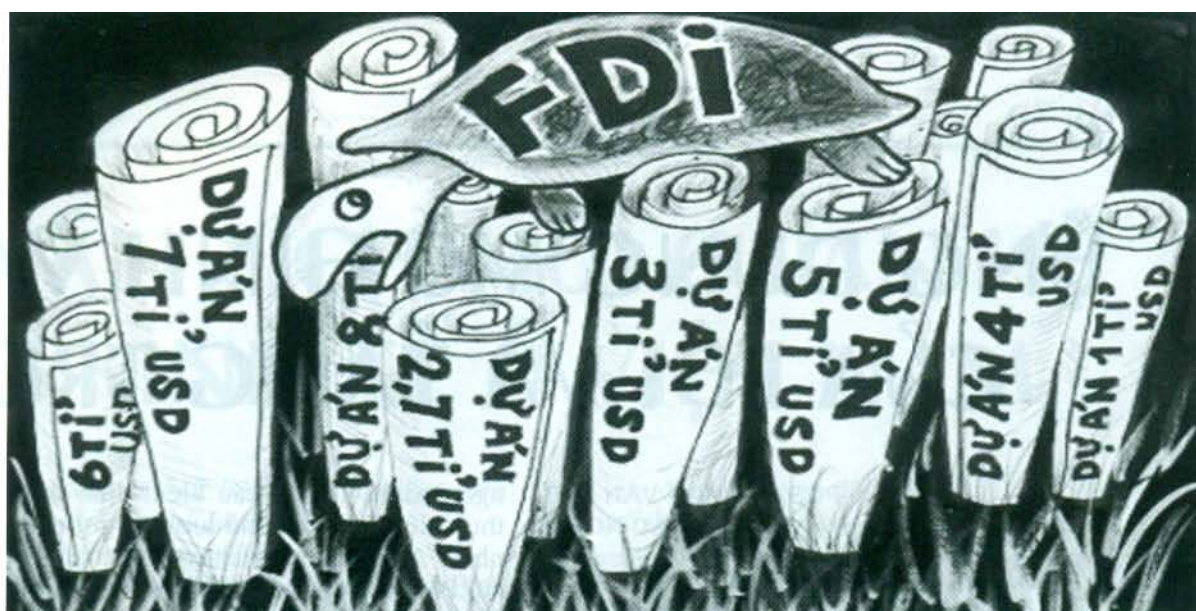
MẤT CÂN ĐỐI GIỮA CÁC NGÀNH KINH TẾ

Đến nay, trong tổng số 18 ngành hàng nhận được FDI, thì 50% tổng vốn đầu tư đăng ký thuộc về ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 8.072 dự án; hơn 23% tổng vốn đầu tư đăng ký thuộc về kinh doanh bất động sản, với 388 dự án và gần 27% tổng vốn đầu tư đăng ký thuộc về 16 ngành còn lại (Bảng 3).

Điều đáng lưu ý là, hầu hết các dự án FDI đến Việt Nam đều nhằm khai thác lợi thế về tài nguyên, tận dụng nhân công lao động phổ thông nhiều và giá rẻ, trong khi hàm lượng công nghệ thấp chiếm tỷ trọng cao. Các ngành mang tính động lực, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của Việt Nam lại thu hút được rất ít các dự án đầu tư, thậm chí có những ngành chưa có dự án nào!

Nhìn vào FDI trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo có thể thấy, các sản phẩm của các dự án FDI sản xuất trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, như: nước ngọt (Coca - cola, Pepsi), nước khoáng, mì ăn liền, bột ngọt, sữa... lại được tiêu thụ ngay tại Việt Nam. Còn ngành công nghiệp nhẹ, như: sản xuất quần áo, giấy dép, túi xách, chế biến đồ gỗ... lại đa số là gia công – xuất khẩu với nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nhập khẩu từ các công ty mẹ. Trong khi đó, các dự án đầu tư vào công nghiệp phụ trợ, các dự án công nghiệp mang tính “lan tỏa” còn rất ít. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu và trở thành nước nhập siêu lớn nhất trong ASEAN.

Việt Nam là đất nước nông nghiệp với hơn 70% dân số sống ở nông thôn. Thế nhưng, vốn FDI đầu tư vào nông - lâm nghiệp và thủy sản lại rất khiêm tốn, với 493 dự án, tổng vốn đầu tư chiếm tỷ lệ



nhỏ 1,55%, quá mất cân đối so với ngành công nghiệp chế biến và bất động sản.

MẤT CÂN ĐỐI GIỮA CÁC ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ

Tính đến 31/12/2012, đã tròn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Tuy nhiên, nhìn Bảng 4 có thể thấy, trong 20 nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam, thì chủ yếu là các quốc gia thuộc châu Á, lớn nhất là Nhật Bản chiếm tỷ trọng vốn đăng ký là 13,63%, kế đến là Đài Loan: 12,89%; Singapore và Hàn Quốc đạt xấp xỉ 12%. Riêng số vốn đăng ký của bốn quốc gia châu Á này đã chiếm tỷ trọng xấp xỉ 50% tổng vốn đầu tư đăng ký. Điều đó thể hiện rõ ràng sự mất cân đối trong thu hút FDI tính theo đối tác đầu tư.

Điều cần lưu ý là hầu hết các nhà đầu tư châu Á có công nghệ thấp, chủ yếu đầu tư vào các ngành có thể khai thác được lợi thế giá lao động rẻ của Việt Nam, hoặc khai thác thị trường có thu nhập trung bình của Việt Nam. Đây là lý do, sau hơn 25 năm thu hút vốn FDI, mà trình độ công nghệ của Việt Nam không được cải thiện nhiều, chưa tương xứng với nguồn vốn FDI đã thu hút.

VẬY ĐÂU LÀ GIẢI PHÁP?

Để hạn chế, tiến tới khắc phục tình trạng mất cân đối trong thu hút FDI,

theo chúng tôi cần thực hiện các giải pháp đồng bộ sau:

- *Cần đổi mới và làm tốt công tác quy hoạch phát triển kinh tế.* Đây là biện pháp mang tính tổng thể, yêu cầu Nhà nước phải có chiến lược phát triển kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực theo hướng phát huy được lợi thế của từng địa phương. Ví dụ, tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh việc phát triển mạng lưới giao thông đường thủy và đường bộ, thì đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp (như: thủy lợi, hệ thống kho chứa nông sản...) nhằm khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tới phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- *Để giảm bớt sự mất cân đối trong thu hút FDI theo vùng miền, ngoài việc hoàn thiện cơ chế ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, Chính phủ cần quan tâm tới việc đào tạo nguồn nhân lực, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của nhà đầu tư nước ngoài.*

- *Hoàn thiện cơ chế thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghệ cao theo hướng đơn giản, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, nhưng mang tính cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực. Cùng với đó, Nhà nước cần quan tâm thực hiện tốt vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*

- *Về công tác xúc tiến đầu tư, bên cạnh các hoạt động xúc tiến chung cần tập trung xúc tiến các nhà đầu tư lớn, các công ty đa quốc gia có trình độ công nghệ cao, công nghệ nguồn, hoặc có khả năng tạo sức lan tỏa, ảnh hưởng tốt tới sự phát triển của các ngành kinh tế nội địa vào Việt Nam đầu tư.*

- *Mỗi tỉnh, thành nên thành lập bộ phận hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai dự án FDI. Bộ phận này trực thuộc sở kế hoạch và đầu tư, có nhiệm vụ theo dõi tiến độ triển khai và là đầu mối tháo gỡ khó khăn do cơ chế chính sách và kết cấu hạ tầng cho các dự án FDI. Từ đó, giúp giải ngân nhiều hơn vốn FDI.* □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Bá (2006). *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng của Việt Nam*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013). *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết 25 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội, ngày 27/3/2013
3. Võ Thanh Thu và Ngô Thị Hải Xuân (2010). *Sự mất cân đối trong hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài và những giải pháp khắc phục*, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, tháng 2/2010